

-----o0o-----

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ PHIẾU KHẢO SÁT PHẢN HỒI CỦA CỰU SINH VIÊN VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ TRƯỜNG, THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CĐR, MỤC TIÊU CỦA CTĐT, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Phiếu số 04)

1. Mục đích khảo sát: với mục đích đào tạo sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với ngành đào tạo và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, Trường Đại học Mỏ - Địa chất triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của cựu sinh viên về chiến lược phát triển của nhà trường, CĐR, mục tiêu CTĐT, đề cương chi tiết học phần và ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động.

2. Đối tượng khảo sát: Cựu sinh viên từng theo học tại trường Đại học Mỏ- Địa chất.

3. Thời gian khảo sát: 5/2019

4. Phương pháp khảo sát: Tổ chức lấy ý kiến trực tuyến.

5. Tổng số phiếu khảo sát: 920 phiếu

6. Thống kê kết quả:

Ý kiến đóng góp của cựu sinh viên đối với từng mục theo thang điểm từ 1 đến 5:

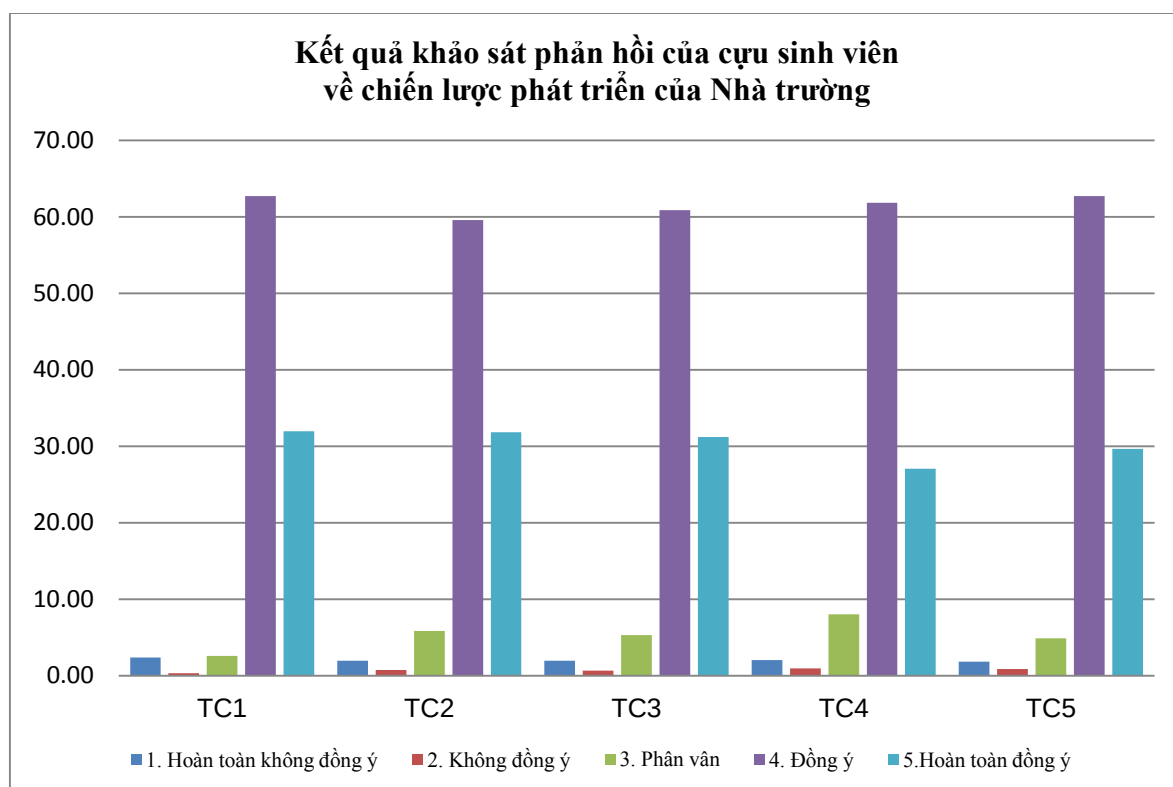
1. Hoàn toàn không đồng ý 2. Không đồng ý 3. Phân vân 4. Đồng ý 5. Hoàn toàn đồng ý

6.1. Nội dung phiếu Khảo sát đánh giá và kết quả khảo sát được thể hiện ở các mục I, II, III, IV và các bảng 6.1, 6.2, 6.3 và hình 6.1, 6.2, 6.3 dưới đây:

I. Chiến lược phát triển của Nhà trường

Bảng 6.1. Tổng hợp kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên
về chiến lược phát triển của Nhà trường

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ					TB trọng số (TB theo thang 5)
			①	②	③	④	⑤	
1	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường được công bố công khai trên website	Phiếu	22	3	24	577	294	4.22
		%	2.39	0.33	2.61	62.72	31.96	
2	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của Anh/Chị	Phiếu	18	7	54	548	293	4.19
		%	1.96	0.76	5.87	59.57	31.85	
3	Chiến lược phát triển của Nhà trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi	Phiếu	18	6	49	560	287	4.19
		%	1.96	0.65	5.33	60.87	31.20	
4	Anh/Chị tham gia vào việc hình thành và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường	Phiếu	19	9	74	569	249	4.11
		%	2.07	0.98	8.04	61.85	27.07	
5	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi được cải tiến trong quá trình phát triển của Nhà trường	Phiếu	17	8	45	577	273	4.18
		%	1.85	0.87	4.89	62.72	29.67	
	TB	%	2.04	0.72	5.35	61.54	30.35	



Hình 6.1. Biểu đồ biểu diễn kết quả khảo sát đánh giá phản hồi sinh viên
về chiến lược phát triển của Nhà trường

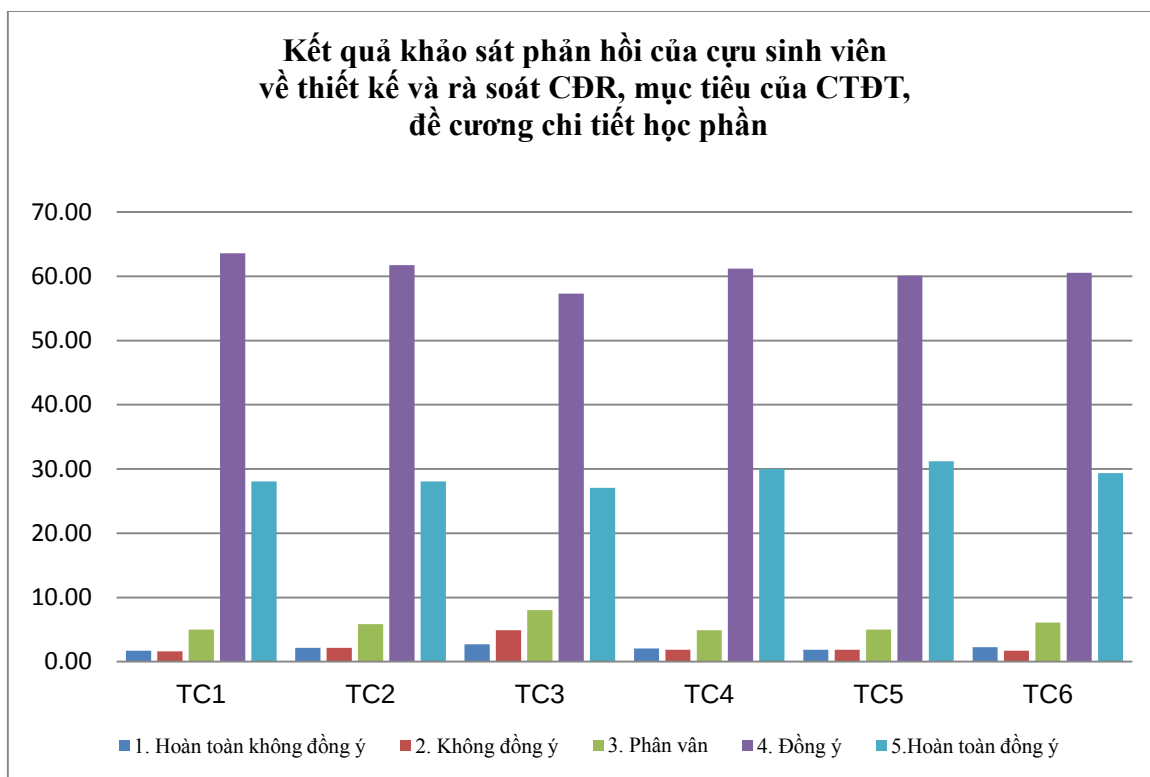
Như vậy với chiến lược phát triển của nhà trường, đa số (91,89%) cựu sinh viên đều đưa ra ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các vấn đề cần khảo sát như tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường công khai, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của người học và chiến lược phát triển của Nhà trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi. Tuy nhiên cũng còn ít (8,11%) cựu sinh viên còn phân vân và chưa đồng ý với các ý kiến trên.

II. Thiết kế và rà soát CĐR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần

Bảng 6.2. Tổng hợp kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên
về thiết kế và rà soát CĐR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ					TB trọng số (TB theo thang 5)
			①	②	③	④	⑤	
1	CĐR, mục tiêu CTĐT phù hợp với tầm	Phiếu	16	15	46	585	258	4.15

STT	Nội dung đánh giá nhìn, sứ mạng, mục tiêu/triết lý giáo dục của Nhà trường và phù hợp với mong muốn của Anh/Chị	ĐV	Tỷ lệ					TB
		%						
			1.74	1.63	5.00	63.59	28.04	
2	CTĐT cân đối giữa kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành	Phiếu	20	20	54	568	258	4.11
		%	2.17	2.17	5.87	61.74	28.04	
3	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý	Phiếu	25	45	74	527	249	4.01
		%	2.72	4.89	8.04	57.28	27.07	
4	Nội dung CTĐT được cập nhật, đổi mới để đáp ứng nhu cầu xã hội	Phiếu	19	17	45	563	276	4.15
		%	2.07	1.85	4.89	61.20	30.00	
5	Đề cương, nội dung học phần được cập nhật thường xuyên	Phiếu	17	17	46	553	287	4.17
		%	1.85	1.85	5.00	60.11	31.20	
6	Anh/Chị được tham gia góp ý khi Nhà trường xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT	Phiếu	21	16	56	557	270	4.13
		%	2.28	1.74	6.09	60.54	29.35	
	TB	%	2.14	2.36	5.82	60.74	28.95	



Hình 6.2. Biểu đồ biểu diễn kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên về thiết kế và rà soát CDR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần

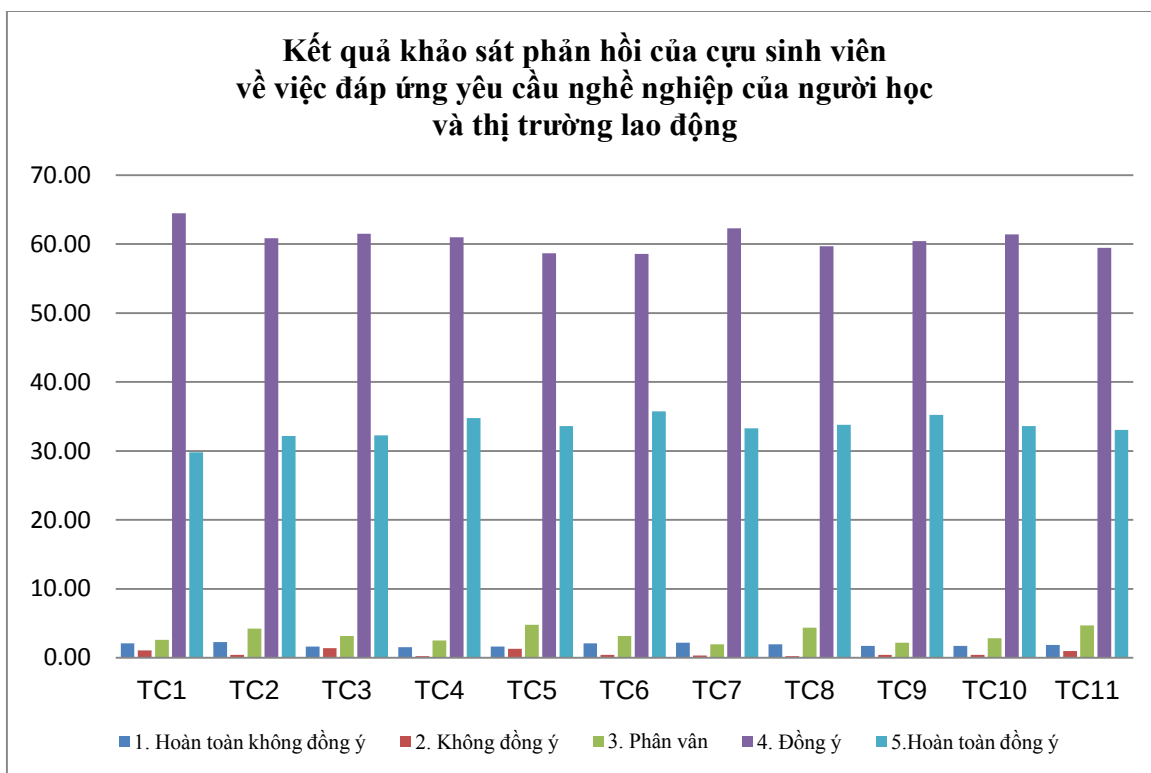
Và với việc thiết kế và rà soát CDR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần, đa số (89,69 %) cựu sinh viên đều đưa ra ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các vấn đề cần khảo sát như CDR, mục tiêu CTĐT phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu/triết lý giáo dục của Nhà trường và phù hợp với mong muốn của người học, tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý... Tuy nhiên cũng còn ít cựu sinh viên còn phân vân và chưa đồng ý với các ý kiến trên (10,31%).

III. Ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

Bảng 6.3. Tổng hợp kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên về việc đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ					TB trọng số (TB theo thang 5)
			①	②	③	④	⑤	
1	Chương trình đào tạo cần được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động	Phiếu	19	10	24	593	274	4.19
		%	2.07	1.09	2.61	64.46	29.78	

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ					TB trọng số (TB theo thang 5)
			①	②	③	④	⑤	
2	Các nhà tuyển dụng đóng góp ý kiến và tham gia xây dựng chương trình đào tạo	Phiếu	21	4	39	560	296	4.20
		%	2.28	0.43	4.24	60.87	32.17	
3	Thời lượng thực tập của sinh viên cần được tăng thêm	Phiếu	15	13	29	566	297	4.21
		%	1.63	1.41	3.15	61.52	32.28	
4	Thời lượng thực hành trong chương trình đào tạo của ngành được tăng thêm	Phiếu	14	2	23	561	320	4.27
		%	1.52	0.22	2.50	60.98	34.78	
5	Thời lượng lý thuyết giảm đi	Phiếu	15	12	44	540	309	4.21
		%	1.63	1.30	4.78	58.70	33.59	
6	Sinh viên được học khoá bổ trợ các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động	Phiếu	19	4	29	539	329	4.26
		%	2.07	0.43	3.15	58.59	35.76	
7	Sinh viên được rèn luyện các phẩm chất đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động	Phiếu	20	3	18	573	306	4.24
		%	2.17	0.33	1.96	62.28	33.26	
8	Sinh viên được trang bị thêm về kỹ năng học tập suốt đời	Phiếu	18	2	40	549	311	4.23
		%	1.96	0.22	4.35	59.67	33.80	
9	Nhà trường cập nhật cho người học thông tin về nhu cầu sử dụng lao động	Phiếu	16	4	20	556	324	4.27
		%	1.74	0.43	2.17	60.43	35.22	
10	Nhà trường phối hợp với các nhà tuyển dụng lao động tổ chức xemina cho sinh viên	Phiếu	16	4	26	565	309	4.25
		%	1.74	0.43	2.83	61.41	33.59	
11	Các nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo tại Trường	Phiếu	17	9	43	547	304	4.21
		%	1.85	0.98	4.67	59.46	33.04	
	TB	%	1.88	0.66	3.31	60.76	33.39	



Hình 6.3. Biểu đồ biểu diễn kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên về việc đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

Còn các ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động, đa số (94,15%) cựu sinh viên đều đưa ra ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các vấn đề cần khảo sát như Chương trình đào tạo cần được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động , thời lượng lý thuyết giảm đi, các nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo tại Trường ... Tuy nhiên cũng còn một số ít sinh viên còn phân vân và chưa đồng ý với các ý kiến trên (5,85%).

IV. Thông tin về việc làm của cựu sinh viên

1. Công việc hiện tại của Cựu sinh viên đa số phù hợp với chuyên môn và trình độ được đào tạo đạt tỷ lệ 87,39% và cũng có khá nhiều cựu sinh viên làm trái ngành (12,61 %).
2. Có đến 91,41 % (841/920 phiếu) cựu sinh viên là hài lòng với công việc hiện tại.

	Nội dung	a		b		c		d		e	
3	Thời gian cựu sinh viên tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp: a. Dưới 3 tháng b. Sau 3 - 6 tháng c. Từ 6 - 12 tháng d. - Trên 12 tháng e. Không có việc làm sau 1 năm	283 Phiếu	30,76 %	246 Phiếu	26,73 %	302 Phiếu	32,82%	80 Phiếu	8,69 %	9 Phiếu	0,98 %

4	Cựu sinh viên tìm được việc làm thông qua: a. Bạn bè người quen giới thiệu b. Tự tìm việc làm c. Nhà trường giới thiệu d. Tự tạo việc làm e. Thực tập doanh nghiệp	241 Phiếu	26,19 %	459 Phiếu	49,89%	71 Phiếu	7,72 %	41 Phiếu	4,46 %	108 Phiếu	11,74 %
5	Cựu sinh viên làm việc cho loại hình kinh doanh: a. Cơ quan/doanh nghiệp nhà nước b. Cơ quan/doanh nghiệp tư nhân c. Cơ quan/doanh nghiệp nước ngoài d. Kinh doanh tự do e. Các loại hình khác	225 Phiếu	24,46 %	437 Phiếu	47,5 %	126 Phiếu	13,69 %	82 Phiếu	8,91 %	50 Phiếu	5,43 %
6	Mức thu nhập hiện tại của cựu sinh viên (triệu đồng/tháng) a. Dưới 4 triệu b. Từ 4 - 6 triệu c. Từ 6 - 8 triệu d. Từ 8-10 triệu e. Trên 10 triệu	24 Phiếu	2,61 %	88 Phiếu	9,56 %	173 Phiếu	18,80 %	285 Phiếu	30,98 %	350 Phiếu	38,05 %

Như vậy, với những sinh viên đã theo học tại Trường Đại học Mở-Địa chất thì đa số sau khi tốt nghiệp họ đều làm đúng ngành được đào tạo, hài lòng với công việc hiện tại, trước 6 tháng họ đã tìm được việc làm và có thu nhập ổn định ở mức trung bình cao (chiếm 68,37) so với mặt bằng trong xã hội, tuy nhiên cũng có những cựu sinh viên có thu nhập cao chiếm tỷ lệ cao 38,05% và họ làm cho các loại hình doanh nghiệp.

7. Trong thời gian học tập tại trường cựu sinh viên đã hài lòng với các vấn đề như: Giảng viên nhiệt tình, chu đáo, giảng viên có nhiều mối quan hệ xã hội để giới thiệu việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp, cơ sở vật chất tốt, CTĐT phù hợp với nhu cầu xã hội...

8. Tuy nhiên cựu sinh viên vẫn chưa thực sự hài lòng ở một số vấn đề sau: Kiến thức đại cương và thể dục còn khá nặng, kiến thức thực tế ít, một số thủ tục, nhu cầu của sinh viên giải quyết còn chậm...

9. Nếu có cơ hội tư vấn người thân, bạn bè chọn trường thì cựu sinh viên đa số có giới thiệu (đạt tỷ lệ giới thiệu 77,14%).

10. Cựu sinh viên có một số ý kiến khác góp ý cho nhà trường:

Trong quá trình sinh viên học tập rất mong nhà trường đào tạo thêm cho sinh viên các kỹ năng mềm, kỹ năng phát triển bản thân, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên gắn với thực tế của thị trường

lao động cũng như nhu cầu phát triển kinh tế đất nước, để ngày càng nhiều sinh viên ra trường làm đúng ngành đã được học, tránh lãng phí kiến thức chuyên ngành đã được đào tạo, mang kiến thức đã học cũng như tâm huyết của thầy cô phát triển ngành khoáng sản Việt Nam nói chung, và nền kinh tế đất nước nói riêng;

Nhà trường tổ chức nhiều dịp cho các doanh nghiệp tiếp xúc với sinh viên hơn, hướng sinh viên có thể hiểu chuyên sâu hơn về ngành học đang đào tạo;

Cần tạo thêm những kiến thức cơ bản áp dụng sát thực tế hơn;

Rút bớt 1 số học phần giảm số năm học đi;

Ngoài học tập hãy tích cực nâng cao các kỹ năng mềm cho bản thân;

Có Định hướng nghề nghiệp sớm trong hai năm cuối thì sau ra trường sẽ có việc làm ổn định hơn;

Đào tạo cần chất lượng hơn số lượng. Có định hướng theo nhu cầu thực tế. Lược bớt những môn học ít thực tế theo từng ngành;

Nâng cao trình độ ngoại ngữ của sinh viên;

Có thể mời những người nguyên là sinh viên Trường đã thành công trong sự nghiệp về chia sẻ với sinh viên ngay từ năm nhất, tạo định hướng và tấm gương cụ thể cho các bạn;

Mong nhà trường đào tạo sát với việc làm thực tế, chú trọng vào thực hành hơn;

Nhà trường đáng giá nhu cầu sử dụng lao động của xã hội để tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp phù hợp cho sinh viên ngay từ những ngày tuyển sinh đại học. Tạo cơ hội cho sinh viên tiếp xúc nhiều với doanh nghiệp phù hợp với ngành học để tìm hiểu về những kỹ năng cần thiết khi ra trường. Kết hợp với doanh nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên năm thứ tư hoặc năm thứ năm có cơ hội tham gia thực tập sinh tại các tổ chức, doanh nghiệp;

Liên kết sâu rộng hơn nữa với các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng lao động. Đưa ra chương trình học, thực hành bám sát hơn nữa với thực tế tuyển dụng.

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ PHIẾU KHẢO SÁT PHẢN HỒI CỦA CỰU SINH VIÊN VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ TRƯỜNG, THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CĐR, MỤC TIÊU CỦA CTĐT, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Phiếu số 04)

1. Mục đích khảo sát: với mục đích đào tạo sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với ngành đào tạo và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, Trường Đại học Mỏ - Địa chất triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của cựu sinh viên về chiến lược phát triển của nhà trường, CĐR, mục tiêu CTĐT, đề cương chi tiết học phần và ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động.

2. Đối tượng khảo sát: Cựu sinh viên từng theo học tại trường Đại học Mỏ- Địa chất.

3. Thời gian khảo sát: 12/2019

4. Phương pháp khảo sát: Tổ chức lấy ý kiến trực tuyến.

5. Tổng số phiếu khảo sát: 947 phiếu

6. Thống kê kết quả:

Ý kiến đóng góp của cựu sinh viên đối với từng mục theo thang điểm từ 1 đến 5:

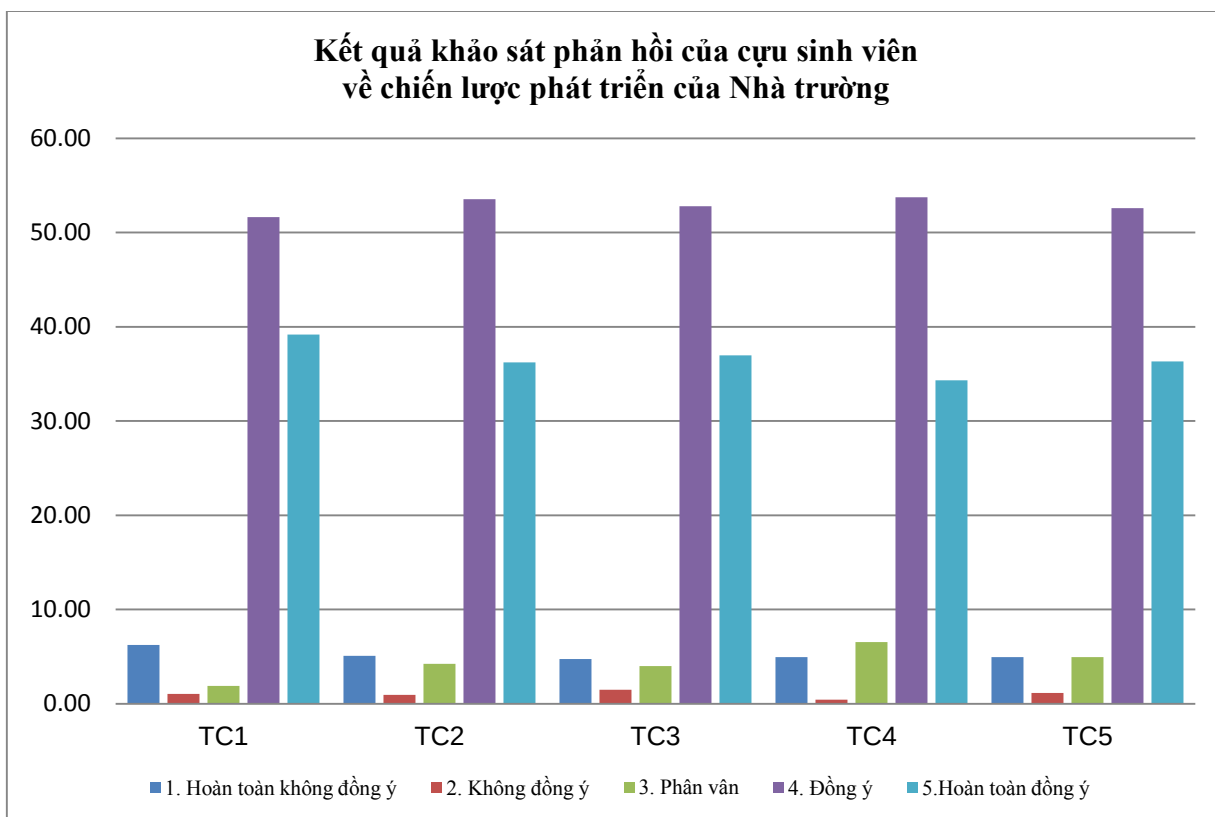
1. Hoàn toàn không đồng ý 2. Không đồng ý 3. Phân vân 4. Đồng ý 5. Hoàn toàn đồng ý

6.1. Nội dung phiếu Khảo sát đánh giá và kết quả khảo sát được thể hiện ở các mục I, II, III, IV và các bảng 6.1, 6.2, 6.3 và hình 6.1, 6.2, 6.3 dưới đây:

I. Chiến lược phát triển của Nhà trường

Bảng 6.1. Tổng hợp kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên
về chiến lược phát triển của Nhà trường

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ					TB trọng số (TB theo thang 5)
			①	②	③	④	⑤	
1	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường được công bố công khai trên website	Phiếu	59	10	18	489	371	4.29
		%	6.23	1.06	1.90	51.64	39.18	
2	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của Anh/Chị	Phiếu	48	9	40	507	343	4.27
		%	5.07	0.95	4.22	53.54	36.22	
3	Chiến lược phát triển của Nhà trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi	Phiếu	45	14	38	500	350	4.28
		%	4.75	1.48	4.01	52.80	36.96	
4	Anh/Chị tham gia vào việc hình thành và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường	Phiếu	47	4	62	509	325	4.24
		%	4.96	0.42	6.55	53.75	34.32	
5	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi được cải tiến trong quá trình phát triển của Nhà trường	Phiếu	47	11	47	498	344	4.26
		%	4.96	1.16	4.96	52.59	36.33	
	TB	%	5.20	1.01	4.33	52.86	36.60	



Hình 6.1. Biểu đồ biểu diễn kết quả khảo sát đánh giá phản hồi sinh viên
về chiến lược phát triển của Nhà trường

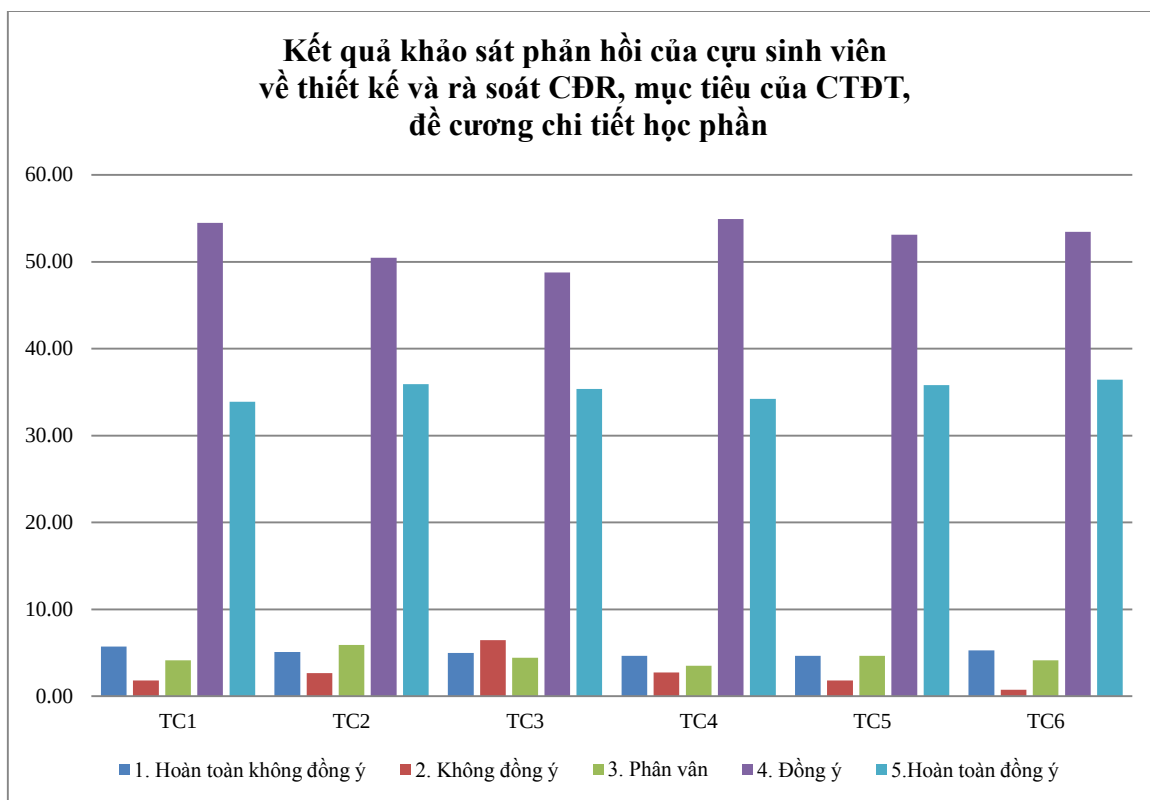
Như vậy với chiến lược phát triển của nhà trường, đa số (91,89%) cựu sinh viên đều đưa ra ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các vấn đề cần khảo sát như tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường công khai, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của người học và chiến lược phát triển của Nhà trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi. Tuy nhiên cũng còn ít (8,11%) cựu sinh viên còn phân vân và chưa đồng ý với các ý kiến trên.

II. Thiết kế và rà soát CDR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần

Bảng 6.2. Tổng hợp kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên
về thiết kế và rà soát CDR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ					TB trọng số (TB theo thang 5)
			①	②	③	④	⑤	

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ					TB
1	CDR, mục tiêu CTĐT phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu/triết lý giáo dục của Nhà trường và phù hợp với mong muốn của Anh/Chị	Phiếu	47	61	42	462	335	4.15
		%	5.70	1.80	4.12	54.49	33.90	
2	CTĐT cân đối giữa kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành	Phiếu	44	26	33	520	324	4.23
		%	5.07	2.64	5.91	50.48	35.90	
3	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý	Phiếu	44	17	44	503	339	4.26
		%	4.96	6.44	4.44	48.79	35.37	
4	Nội dung CTĐT được cập nhật, đổi mới để đáp ứng nhu cầu xã hội	Phiếu	50	7	39	506	345	4.27
		%	4.65	2.75	3.48	54.91	34.21	
5	Đề cương, nội dung học phần được cập nhật thường xuyên	Phiếu	52	9	37	476	373	4.29
		%	4.65	1.80	4.65	53.12	35.80	
6	Anh/Chị được tham gia góp ý khi Nhà trường xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT	Phiếu	50	8	26	491	372	4.31
		%	5.28	0.74	4.12	53.43	36.43	
	TB	%	5.05	2.69	4.45	52.53	35.27	



Hình 6.2. Biểu đồ biểu diễn kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên về thiết kế và rà soát CĐR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần

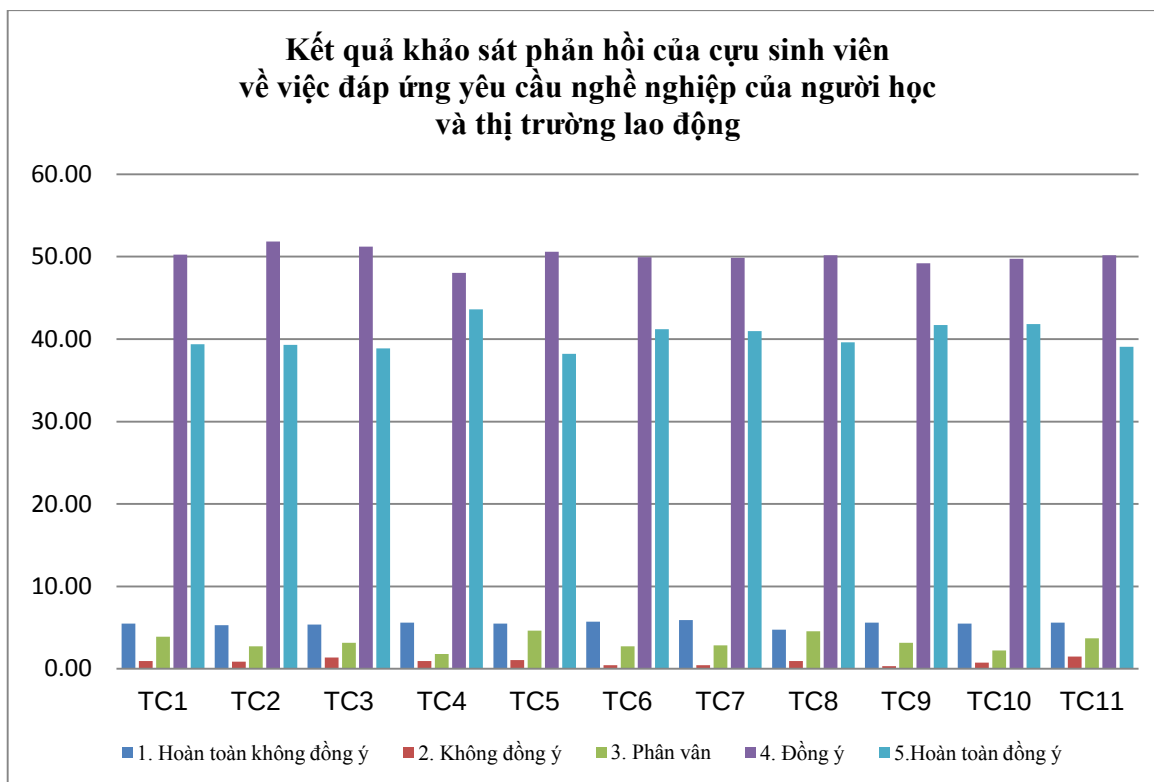
Và với việc thiết kế và rà soát CĐR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần, đa số (89,69 %) cựu sinh viên đều đưa ra ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các vấn đề cần khảo sát như CĐR, mục tiêu CTĐT phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu/triết lý giáo dục của Nhà trường và phù hợp với mong muốn của người học, tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý... Tuy nhiên cũng còn ít cựu sinh viên còn phân vân và chưa đồng ý với các ý kiến trên (10,31%).

III. Ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

Bảng 6.3. Tổng hợp kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên về việc đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ					TB trọng số (TB theo thang 5)
			①	②	③	④	⑤	

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ					TB trọng số (TB theo thang 5)
			①	②	③	④	⑤	
1	Chương trình đào tạo cần được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động	Phiếu	52	9	37	476	373	4.29
		%	5.49	0.95	3.91	50.26	39.39	
2	Các nhà tuyển dụng đóng góp ý kiến và tham gia xây dựng chương trình đào tạo	Phiếu	50	8	26	491	372	4.31
		%	5.28	0.84	2.75	51.85	39.28	
3	Thời lượng thực tập của sinh viên cần được tăng thêm	Phiếu	51	13	30	485	368	4.29
		%	5.39	1.37	3.17	51.21	38.86	
4	Thời lượng thực hành trong chương trình đào tạo của ngành được tăng thêm	Phiếu	53	9	17	455	413	4.36
		%	5.60	0.95	1.80	48.05	43.61	
5	Thời lượng lý thuyết giảm đi	Phiếu	52	10	44	479	362	4.27
		%	5.49	1.06	4.65	50.58	38.23	
6	Sinh viên được học khoá bổ trợ các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động	Phiếu	54	4	26	473	390	4.33
		%	5.70	0.42	2.75	49.95	41.18	
7	Sinh viên được rèn luyện các phẩm chất đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động	Phiếu	56	4	27	472	388	4.32
		%	5.91	0.42	2.85	49.84	40.97	
8	Sinh viên được trang bị thêm về kỹ năng học tập suốt đời	Phiếu	45	9	43	475	375	4.31
		%	4.75	0.95	4.54	50.16	39.60	
9	Nhà trường cập nhật cho người học thông tin về nhu cầu sử dụng lao động	Phiếu	53	3	30	466	395	4.33
		%	5.60	0.32	3.17	49.21	41.71	
10	Nhà trường phối hợp với các nhà tuyển dụng lao động tổ chức xemina cho sinh viên	Phiếu	52	7	21	471	396	4.34
		%	5.49	0.74	2.22	49.74	41.82	
11	Các nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo tại Trường	Phiếu	53	14	35	475	370	4.28
		%	5.60	1.48	3.70	50.16	39.07	
	TB	%	5.48	0.86	3.23	50.09	40.34	



Hình 6.3. Biểu đồ biểu diễn kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên về việc đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

Còn các ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động, đa số (94,15%) cựu sinh viên đều đưa ra ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các vấn đề cần khảo sát như Chương trình đào tạo cần được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động, thời lượng lý thuyết giảm đi, các nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo tại Trường ... Tuy nhiên cũng còn một số ít sinh viên còn phân vân và chưa đồng ý với các ý kiến trên (5,85%).

IV. Thông tin về việc làm của cựu sinh viên

3. Công việc hiện tại của Cựu sinh viên đa số phù hợp với chuyên môn và trình độ được đào tạo đạt tỷ lệ 87,11% và cũng có khá nhiều cựu sinh viên làm trái ngành (12,88 %).
4. Có đến 90,81 % (860/947 phiếu) cựu sinh viên là hài lòng với công việc hiện tại.

	Nội dung	a	b	c	d	e
--	----------	---	---	---	---	---

3	Thời gian cựu sinh viên tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp: f. Dưới 3 tháng g. Sau 3 - 6 tháng h. Từ 6 - 12 tháng i. - Trên 12 tháng j. Không có việc làm sau 1 năm	357 Phiếu	37,69 %	211 Phiếu	22,28 %	301 Phiếu	31,78 %	64 Phiếu	6,75 %	14 Phiếu	1,48 %
4	Cựu sinh viên tìm được việc làm thông qua: f. Bạn bè người quen giới thiệu g. Tự tìm việc làm h. Nhà trường giới thiệu i. Tự tạo việc làm j. Thực tập doanh nghiệp	298 Phiếu	31,46 %	428 Phiếu	45,19%	86 Phiếu	9,08 %	24 Phiếu	2,53 %	111 Phiếu	11,72 %
5	Cựu sinh viên làm việc cho loại hình kinh doanh: f. Cơ quan/doanh nghiệp nhà nước g. Cơ quan/doanh nghiệp tư nhân h. Cơ quan/doanh nghiệp nước ngoài i. Kinh doanh tự do j. Các loại hình khác	261 Phiếu	27,56 %	452 Phiếu	47,73 %	1276 Phiếu	13,41 %	79 Phiếu	8,34 %	28 Phiếu	2,96 %
6	Mức thu nhập hiện tại của cựu sinh viên (triệu đồng/tháng) f. Dưới 4 triệu g. Từ 4 - 6 triệu h. Từ 6 - 8 triệu i. Từ 8-10 triệu j. Trên 10 triệu	65 Phiếu	6,86 %	92 Phiếu	9,71 %	157 Phiếu	16,57 %	321 Phiếu	31,98 %	312 Phiếu	30,05 %

Như vậy, với những sinh viên đã theo học tại Trường Đại học Mở-Địa chất thì đa số sau khi tốt nghiệp họ đều làm đúng ngành được đào tạo, hài lòng với công việc hiện tại, trước 6 tháng họ đã tìm được việc làm và có thu nhập ổn định ở mức trung bình cao (chiếm 57,33) so với mặt bằng trong xã hội, tuy nhiên cũng có những cựu sinh viên có thu nhập cao chiếm tỷ lệ cao 30,05% và họ làm cho các loại hình doanh nghiệp.

7. Trong thời gian học tập tại trường cựu sinh viên đã hài lòng với các vấn đề như: Giảng viên nhiệt tình, chu đáo, giảng viên có nhiều mối quan hệ xã hội để giới thiệu việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp, cơ sở vật chất tốt, CTĐT phù hợp với nhu cầu xã hội...

8. Tuy nhiên cựu sinh viên vẫn chưa thực sự hài lòng ở một số vấn đề sau: Kiến thức đại cương và thể dục còn khá nặng, kiến thức thực tế ít, một số thủ tục, nhu cầu của sinh viên giải quyết còn chậm...

9. Nếu có cơ hội tư vấn người thân, bạn bè chọn trường thì cựu sinh viên đa số có giới thiệu (đạt tỷ lệ giới thiệu 85,74%).

10. Cựu sinh viên có một số ý kiến khác góp ý cho nhà trường:

Trong quá trình sinh viên học tập rất mong nhà trường đào tạo thêm cho sinh viên các kỹ năng mềm, kỹ năng phát triển bản thân, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên gắn với thực tế của thị trường lao động cũng như nhu cầu phát triển kinh tế đất nước, để ngày càng nhiều sinh viên ra trường làm đúng ngành đã được học, tránh lãng phí kiến thức chuyên ngành đã được đào tạo, mang kiến thức đã học cũng như tâm huyết của thầy cô phát triển ngành khoáng sản Việt Nam nói chung, và nền kinh tế đất nước nói riêng;

Nhà trường tổ chức nhiều dịp cho các doanh nghiệp tiếp xúc với sinh viên hơn, hướng sinh viên có thể hiểu chuyên sâu hơn về ngành học đang đào tạo;

Cần tạo thêm những kiến thức cơ bản áp dụng sát thực tế hơn;

Rút bớt 1 số học phần giảm số năm học đi;

Ngoài học tập hãy tích cực nâng cao các kỹ năng mềm cho bản thân;

Có Định hướng nghề nghiệp sớm trong hai năm cuối thì sau ra trường sẽ có việc làm ổn định hơn;

Đào tạo cần chất lượng hơn số lượng. Có định hướng theo nhu cầu thực tế. Lược bớt những môn học ít thực tế theo từng ngành;

Nâng cao trình độ ngoại ngữ của sinh viên;

Có thể mời những người nguyên là sinh viên Trường đã thành công trong sự nghiệp về chia sẻ với sinh viên ngay từ năm nhất, tạo định hướng và tấm gương cụ thể cho các bạn;

Mong nhà trường đào tạo sát với việc làm thực tế, chú trọng vào thực hành hơn;

Nhà trường đáng giá nhu cầu sử dụng lao động của xã hội để tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp phù hợp cho sinh viên ngay từ những ngày tuyển sinh đại học. Tạo cơ hội cho sinh viên tiếp xúc nhiều với doanh nghiệp phù hợp với ngành học để tìm hiểu về những kỹ năng cần thiết khi ra trường. Kết hợp với doanh nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên năm thứ tư hoặc năm thứ năm có cơ hội tham gia thực tập sinh tại các tổ chức, doanh nghiệp;

Liên kết sâu rộng hơn nữa với các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng lao động. Đưa ra chương trình học, thực hành bám sát hơn nữa với thực tế tuyển dụng.